

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY NƯỚC SẠCH HÀ NỘI

BÁO CÁO GIÁM SÁT 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Tháng 7 - 2024

Số :1993/NSHN-TCKT
V/v: Báo cáo giám sát 6 tháng đầu năm 2024

Hà Nội, ngày 09 tháng 07 năm 2024

Kính gửi: - Sở Tài chính Hà Nội

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát vốn nhà nước tại doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Căn cứ Thông tư số 77/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Công ty TNHH Một thành viên Nước sạch Hà Nội báo cáo Sở Tài chính về tình hình quản lý vốn, tài sản, kết quả sản xuất kinh doanh và hiệu quả hoạt động của Công ty 6 tháng đầu năm 2024 (các số liệu trong báo cáo giám sát là số liệu ước tính đến 30/06/2024 do Công ty Nước sạch Hà Nội và các công ty con, công ty liên kết đang thực hiện lập báo cáo tài chính bán niên theo quy định) như sau:

1. Bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	30/06/2023	30/06/2024
Tổng nguồn vốn chủ sở hữu	3.561.327	3.567.611
Trong đó		
- Vốn góp của chủ sở hữu	3.412.000	3.418.280
- Quỹ đầu tư phát triển	149.327	149.331
- Nguồn vốn đầu tư XDCB	0	0

Vốn chủ sở hữu trong kỳ đã được bảo toàn và phát triển.

2. Giám sát việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước

2.1 Hoạt động đầu tư các dự án

(Biểu 02A – Tình hình đầu tư và huy động vốn để đầu tư vào các dự án hình thành TSCĐ và XDCB).

2.2 Đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp

Đến 30/06/2024, tình hình đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, đầu tư khác như sau:

2.2.1 Đầu tư vào công ty con:

Đến 30/06/2024, số vốn góp của Công ty Nước sạch Hà Nội tại Công ty cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội: 548.914 triệu đồng, chiếm 96,64% vốn điều lệ.

Trong 6 tháng đầu năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh ước tính của Công ty về cơ bản vẫn giữ được tính ổn định, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh hoàn thành kế hoạch được giao, cụ thể: Doanh thu 6 tháng đầu năm của Công ty: 366.015 triệu đồng (đạt 52,7% kế hoạch); lợi nhuận sau thuế 13.333 triệu đồng (đạt 74,3% kế hoạch). Quyết định phê duyệt phương án điều chỉnh giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hà Nội số 3541/QĐ-UBND ngày 07/07/2023 đã tháo gỡ nhiều khó khăn và có tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Công ty Nước sạch số 2 Hà Nội đã tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. Tại Đại hội, các cổ đông thống nhất thông qua kế hoạch SXKD năm 2024 và phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 theo biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 20/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024, trong đó tỷ lệ chia cổ tức là 1,32% vốn điều lệ (dự kiến trả trong tháng 7/2024).

2.2.2 Đầu tư vào công ty liên kết:

2.2.2.1 Đầu tư vào Công ty Cổ phần Viwaco:

- Số vốn góp của Công ty Nước sạch Hà Nội: 19.655,3 triệu đồng. Số lượng cổ phần nắm giữ: 7.584.880 cổ phần, chiếm 23,7% vốn điều lệ.

- Công ty Cổ phần Viwaco đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2023 theo đúng quy định của pháp luật và Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2024 là 9.102 triệu đồng; tỷ lệ chia cổ tức là 12% vốn điều lệ (Công ty Nước sạch Hà Nội đã hạch toán vào thu nhập hoạt động tài chính theo đúng quy định).

- Ước tính doanh thu 6 tháng đầu năm 2024 đạt: 489.881 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế là 69.296 triệu đồng. Mức chi cổ tức năm 2024 dự kiến 12% vốn điều lệ.

2.2.2.2 Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hạ tầng Nước sạch Hà Nội:

- Số vốn đã góp của Công ty Nước sạch Hà Nội: 2 tỷ đồng, chiếm 20% vốn điều lệ.

- Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thống nhất thông qua Kế hoạch SXKD năm 2024 (với Lợi nhuận sau thuế là 26 triệu đồng) và thông qua phương án không phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2023 theo biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 04/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/06/2024.

- Ước tính doanh thu 6 tháng đầu năm năm 2024 đạt: 3.429 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế là -893 triệu đồng. Mức chi cổ tức năm 2024 dự kiến 0,5% vốn điều lệ.

2.2.2.3 Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nước mặt Sông Hồng:

Công ty cổ phần Nước mặt Sông Hồng đang trong quá trình thực hiện dự án, tại thời điểm 31/12/2023 Công ty Nước sạch Hà Nội đã thực hiện góp vốn với tỷ lệ 8,65% tương đương số tiền là 47.963.592.589 đồng.

Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của cổ đông theo quy định. Với số vốn góp: 110.931.000.000 đồng, chiếm 20% vốn điều lệ.

- Ước tính doanh thu 6 tháng đầu năm của Công ty cổ phần Nước mặt Sông Hồng năm 2024 đạt 564 triệu đồng chủ yếu từ thu nhập hoạt động tài chính, lợi nhuận sau thuế là - 2.969 triệu đồng. Do chưa đi vào hoạt động khai thác và sản xuất kinh doanh nên cho đến thời điểm này, Công ty cổ phần Nước mặt Sông Hồng chưa có lợi nhuận. Theo báo cáo tài chính ước tính đến 30/06/2024, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế của doanh nghiệp là - 8.575 triệu đồng (do phát sinh các chi phí cho bộ máy quản lý).

2.2.2.4 Đầu tư vào Công ty cổ phần Tháp nước Hà Nội:

- Số vốn góp của Công ty Nước sạch Hà Nội tại Công ty Cổ phần Tháp nước Hà Nội: 59.340 triệu đồng, chiếm 30% vốn điều lệ.

- Kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024 ước tính: Tổng doanh thu: 20.975 triệu đồng, đạt 49% kế hoạch; lợi nhuận sau thuế đạt 7.252 triệu đồng, đạt 57% kế hoạch. So với cùng kỳ năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Tháp nước Hà Nội có khởi sắc, đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận. Doanh thu chủ yếu đến từ hoạt động cho thuê bất động sản, dịch vụ quản lý khai thác tòa nhà, có dấu hiệu phục hồi sau thời gian tác động của dịch Covid 19.

2.2.3 Đầu tư khác (Góp vốn vào Công ty cổ phần nước mặt Sông Đuống: số vốn đã góp 99.961 triệu đồng, chiếm 10% vốn điều lệ).

- Kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024 ước tính: Tổng doanh thu ước tính đạt 441.247 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt 66.194 triệu đồng; lỗ lũy kế -1.071.320 triệu đồng. Việc tăng giá bán nước sạch và lộ trình điều chỉnh giá bán buôn nước sạch sinh hoạt của Công ty cổ phần nước mặt Sông Đuống áp dụng trên địa bàn Hà Nội tại Quyết định 3342/QĐ-UBND ngày 14/9/2022 đã tác động tích cực đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Tại thời điểm 30/6/2024, dự kiến Công ty Cổ phần nước mặt Sông Đuống đã có lợi nhuận 66.194 triệu đồng.

Tính đến 30/06/2024, Công ty Nước sạch Hà Nội đã thực hiện trích lập dự phòng đầu tư rủi ro tài chính đối với khoản đầu tư tài chính tại Công ty Cổ phần Nước mặt Sông Đuống với giá trị lũy kế là 99.961.100.000 đồng (qua các năm 2019-2020-2021-2022).

2.3 Huy động vốn và sử dụng vốn (phụ lục 02 A chi tiết kèm theo)

Việc cân đối nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, đáp ứng đầy đủ nguồn vốn ngắn hạn, dài hạn cho hoạt động của công ty.

Vốn vay được sử dụng đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả, trả nợ đúng hạn. Công ty không có nợ quá hạn tại các tổ chức tín dụng.

2.4 Tình hình quản lý tài sản, quản lý nợ tại doanh nghiệp, khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu: các số liệu sau là số liệu ước tính đến 30/06/2024 do Công ty Nước sạch Hà Nội đang thực hiện lập báo cáo tài chính bán niên theo quy định

2.4.1 Quản lý, sử dụng tài sản:

a. Quản lý tài sản ngắn hạn:

- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản: 29.64%
- Tiền và các khoản tương đương tiền: 348.572 triệu đồng.
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: 1.245.000 triệu đồng.
- Các khoản phải thu ngắn hạn: 46.778 triệu đồng (chiếm 0,77% tổng tài sản).
- Quản lý hàng tồn kho và tài sản ngắn hạn khác: Hàng tồn kho 94.130 triệu đồng, tài sản ngắn hạn khác 58.754 triệu đồng.

b. Quản lý tài sản dài hạn:

Tài sản dài hạn đạt 4.257.565 triệu đồng, chiếm 70,36% trên tổng tài sản, trong đó chủ yếu là tài sản cố định 2.915.447 triệu đồng chiếm 68,48% trong tài sản dài hạn.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến ngày 30/06/2024, nợ phải trả của Công ty là 2.299.199 triệu đồng, chiếm 38% tổng nguồn vốn, trong đó chủ yếu là khoản phải trả, phải nộp liên quan đến các dự án nguồn vốn ngân sách ứng trước có hoàn trả từ khấu hao TSCĐ và các khoản vay, nợ dài hạn phục vụ cho đầu tư phát triển (hiện tại Công ty đang thực hiện thanh toán nợ phải trả theo hợp đồng, đúng kỳ hạn, không có nợ quá hạn). Tổng nợ vay dài hạn 1.824.550 triệu đồng.

Công ty đã mở sổ theo dõi nợ phải trả cho từng đối tượng theo quy định. Công ty đã ban hành Quy chế quản lý nợ theo Quyết định 869/NSHN-HĐTV ngày 10/6/2014. Công nợ được quản lý chặt chẽ, hàng năm việc đối chiếu công nợ được thực hiện theo quy định trước khi khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Công ty không có công nợ phải trả quá hạn.

- Khả năng thanh toán hiện hành: Tổng tài sản/Nợ phải trả: 2,63 lần (6.050.798 triệu đồng/2.299.199 triệu đồng)

- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn: Tổng TS ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn: 3.78 lần (1.793.233 triệu đồng/474.649 triệu đồng).

- Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu: 0,61 lần (2.299.199 triệu đồng/3.751.599 triệu đồng).

Qua các chỉ tiêu trên cho thấy, Công ty đảm bảo tốt khả năng thanh toán hiện hành và khả năng thanh toán nợ đến hạn.

2.4.2 Tình hình lưu chuyển tiền tệ

Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của công ty ổn định, lượng tiền lưu thông đảm bảo tốt khả năng thanh toán nợ đến hạn và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của

công ty. Dòng tiền của hoạt động đầu tư chủ yếu phục vụ việc mua sắm tài sản, đầu tư có kỳ hạn, thu từ hoạt động đầu tư là cổ tức từ việc đầu tư vào công ty liên kết.

Dòng tiền hoạt động tài chính là lãi tiền gửi và thanh toán lãi vay.

3. Giám sát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Ngày 22/04/2024, UBND thành phố có văn bản số 2201/QĐ-STC giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động năm 2024 của Công ty TNHH Một thành viên Nước sạch Hà Nội.

Ước tính đến 30/06/2024, tình hình thực hiện kế hoạch năm 2024 của công ty như sau:

3.1 Doanh thu và thu nhập khác:

- Ước tính tổng doanh thu 1.285.730 triệu đồng, bằng 47,57 % so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, trong đó:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 1.239.121 triệu đồng.

+ Thu nhập hoạt động tài chính: 46.608 triệu đồng (bao gồm lãi tiền gửi có kỳ hạn, chênh lệch tỉ giá ngoại tệ, cổ tức được chia trong năm tại của công ty con, công ty liên kết).

+ Thu nhập khác: 1 triệu đồng là tiền truy thu tiền nước của khách hàng

- Công ty đã thực hiện mở sổ theo dõi chi tiết doanh thu và thu nhập trong các năm tài chính.

3.2 Chi phí:

Tổng chi phí trong 6 tháng đầu năm 2024 ước tính Công ty đã thực hiện là 1.083.110 triệu đồng, trong đó giá vốn hàng bán: 609.370 triệu đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp: 42.463 triệu đồng, chi phí bán hàng: 369.248 triệu đồng, chi phí tài chính: 33.857 triệu đồng, chi phí khác: 28.172 triệu đồng.

3.3 Kết quả sản xuất kinh doanh:

- Tổng lợi nhuận trước thuế: 202.620 triệu đồng.

- Tổng lợi nhuận sau thuế: 139.952 triệu đồng, bằng 64,69 % kế hoạch.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) = 3.92%.

- Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) = 2,31%

Đánh giá chung:

Thực hiện Quyết định số 3541/QĐ-UBND ngày 07/07/2023 về việc phê duyệt phương án điều chỉnh giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hà Nội, từ ngày 01/01/2024 giá nước sạch sinh hoạt tiếp tục được điều chỉnh đã tháo gỡ nhiều khó khăn và tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Nước sạch Hà Nội.

Kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024 của Công ty Nước sạch Hà Nội cho thấy Công ty đã đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư của nhà nước tại doanh nghiệp. Tổng doanh thu 1.285.730 triệu đồng, bằng 47,57 % so với chỉ tiêu kế hoạch năm do hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh nước sạch sẽ tăng trưởng mạnh nhất vào các tháng quý III/2024. Lợi nhuận sau thuế đạt 139.952 triệu đồng, đạt 64,69 % kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt trên 50% kế hoạch do

một số chi phí thực hiện theo chu kỳ sản xuất kinh doanh nên sẽ phát sinh chủ yếu vào 6 tháng cuối năm như chi phí sửa chữa lớn, chi phí thay thế đồng hồ định kỳ, chi phí đại tu, chi phí khám sức khỏe, chi phí trích lập dự phòng, trích quỹ khoa học công nghệ, chi phí đồng phục... Bên cạnh đó, do thuận lợi khách quan từ tình hình thế giới, tỷ giá đồng Yên Nhật giảm đáng kể nên khi đánh giá lại khoản nợ vay ngoại tệ theo quy định công ty đã được hạch toán thu nhập tài chính đối với khoản chênh lệch tỷ giá.

3.4 Thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước;

Trong 6 tháng đầu năm 2024, Công ty thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước kịp thời, đúng quy định. Tổng số phải nộp ngân sách trong 6 tháng đầu năm 2024 ước tính là 288.686 triệu đồng, số đã thực nộp là 309.095 triệu đồng (đã bao gồm lợi nhuận còn lại).

3.5 Phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

Đến 30/6/2024 Công ty đã thực hiện tạm phân phối lợi nhuận năm 2024 vào các quỹ và nộp lợi nhuận còn lại vào ngân sách nhà nước theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 61/2016/TT-BTC ngày 11/4/2016 của Bộ Tài chính. Tổng số lợi nhuận còn lại đã nộp Ngân sách 6 tháng đầu năm là 17.065.141.449 đồng

4. Giám sát việc cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại công ty con, công ty liên kết, đầu tư khác.

4.1 Việc cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp:

Đối với công tác này ngày 06/6/2023, UBND Thành phố Hà Nội ban hành văn bản số 166/KH-UBND về việc Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc UBND Thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025. Tại phụ lục, Văn bản số 166/KH-UBND phê duyệt tiếp tục duy trì Công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Nội trong giai đoạn 2022-2025 (giữ nguyên mô hình Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ).

Thực hiện văn bản số 4500/STC-TCĐN2 ngày 03/08/2023 của Sở Tài chính về việc xử lý chi phí cổ phần hóa khi tạm dừng chưa thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội, trong năm 2023 Công ty Nước sạch Hà Nội đã thực hiện quyết toán và hạch toán các khoản chi phí Cổ phần hóa phát sinh theo đúng quy định gồm: Chi phí tập huấn: 117.000.000 đồng, chi phí tư vấn xác định giá trị DN, xác định giá khởi điểm: 81.818.181 đồng và hạch toán vào chi phí SXKD năm 2023 và loại trừ khi tính thuế TNDN theo quy định hiện hành.

Tính đến thời điểm 30/6/2024, công tác Cổ phần hóa tạm thời không phát sinh các yêu cầu mới.

4.2 Việc triển khai xây dựng Đề án Cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025:

Ngày 18/8/2022, Công ty Nước sạch Hà Nội đã có công văn số 2065/NSHN-TCKT gửi UBND Thành phố, Sở Tài chính về việc báo cáo Đề án tái cơ cấu lại Công ty giai đoạn 2021-2025.

Thực hiện theo nội dung hướng dẫn của UBND Thành phố Hà Nội tại văn bản số 166/KH-UBND ngày 06/6/2023 về việc Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc UBND Thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025. Tại phụ lục, Văn bản số 166/KH-UBND phê duyệt tiếp tục duy trì Công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Nội trong giai đoạn 2022-2025 (giữ nguyên mô hình Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ).

Ngày 18/8/2023, Sở Tài chính có văn bản số 4831/STC-TCDN1 và 4832/STC-TCDN1 về việc xây dựng rà soát, hoàn thiện đề án tái cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn 2022-2025, trong đó gửi kèm đề cương mẫu “Đề án Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2023-2025”.

Ngày 08/12/2023, Công ty Nước sạch Hà Nội đã có công văn số 3431/NSHN-TCKT gửi Sở Tài chính, Chi cục Tài chính doanh nghiệp về việc báo cáo Đề án tái cơ cấu lại doanh nghiệp Nhà nước giai đoạn 2023-2025 của Công ty Nước sạch Hà Nội theo Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Tính đến thời điểm 30/6/2024, Đề án tái cơ cấu lại doanh nghiệp Nhà nước giai đoạn 2023-2025 của Công ty Nước sạch Hà Nội chưa được phê duyệt.

4.3 Việc cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại công ty con, công ty liên kết:

a. Việc cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại Công ty con:

- Công ty cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội: vốn góp 548.914 triệu đồng, chiếm 96,64% vốn điều lệ. Tại văn bản số 5506/STC-TCDN ngày 27/8/2020, Sở Tài chính đã báo cáo UBND thành phố Hà Nội và đề xuất nguyên tắc điều chỉnh “Đối với các ngành nghề kinh doanh phù hợp với ngành nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp nhà nước thì dừng thực hiện thoái vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước để tập trung hoàn thành công tác cổ phần hóa theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ”.

Ngày 08/12/2023, Công ty Nước sạch Hà Nội đã có công văn số 3431/NSHN-TCKT gửi Sở Tài chính và Chi cục Tài chính doanh nghiệp về việc báo cáo Đề án tái cơ cấu lại Công ty giai đoạn 2023-2025; trong đó, tại mục IV.3 Cơ cấu lại Công ty Con, Công ty liên kết, Công ty đề xuất tiếp tục duy trì tỷ lệ vốn góp tại Công ty Nước sạch số 2 Hà Nội là 96,64% vốn điều lệ để đảm bảo ổn định hoạt động SXKD, cấp nước, thực hiện nhiệm vụ chính trị do thành phố giao.

Tính đến thời điểm 30/6/2024, Đề án tái cơ cấu lại doanh nghiệp Nhà nước giai đoạn 2023-2025 của Công ty Nước sạch Hà Nội chưa được phê duyệt.

b. Việc cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại Công ty liên kết:

- Công ty Cổ phần Viwaco: vốn góp 19.655,3 triệu đồng, chiếm 23,7% vốn điều lệ.
- Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng hạ tầng Nước sạch Hà Nội: vốn góp 2 tỷ đồng, chiếm 20% vốn điều lệ.
- Công ty cổ phần nước mặt Sông Hồng: Số vốn góp của Công ty Nước sạch Hà Nội tại Công ty Cổ phần Nước mặt Sông Hồng đến 31/12/2023 là 47.964 triệu đồng, chiếm

8,65% vốn điều lệ trong tổng số vốn điều lệ dự kiến tham gia là 20%. Ngày 02/02/2024, Công ty Nước sạch Hà Nội đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của cổ động theo quy định và nộp bổ sung 62.967.407.411 đồng. Tổng số vốn góp đến thời điểm này là 110.931 triệu đồng, chiếm 20% vốn điều lệ.

Các doanh nghiệp trên không có trong danh mục thoái vốn của Công ty.

- Công ty cổ phần Tháp nước Hà Nội: đã góp vốn 59.340 triệu đồng, chiếm 30% vốn điều lệ. Tại văn bản 3431/NSHN-TCKT ngày 08/12/2023 gửi Sở Tài chính và Chi cục Tài chính doanh nghiệp về việc báo cáo Đề án tái cơ cấu lại Công ty giai đoạn 2023-2025, Công ty Nước sạch Hà Nội đã đề xuất cho phép *tiếp tục thực hiện thoái vốn nhà nước đầu tư tại Công ty Cổ phần Tháp nước Hà Nội*.

Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội sẽ căn cứ nội dung Đề án được phê duyệt để xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác thoái vốn theo quy định.

c. Đầu tư khác

Công ty cổ phần nước mặt Sông Đuống, theo chỉ đạo của UBND thành phố Hà Nội, Công ty Nước sạch Hà Nội góp 10% vốn điều lệ, hiện đã góp vốn 99.961 triệu đồng, tương đương 10% vốn điều lệ.

Theo nội dung công văn số 3431/NSHN-TCKT gửi Sở Tài chính và Chi cục Tài chính doanh nghiệp về việc báo cáo Đề án tái cơ cấu lại Công ty giai đoạn 2023-2025; trong đó, tại mục IV.3, Công ty đề xuất *"Thành phố xem xét cho phép Công ty tăng tỷ lệ vốn góp lên mức 36-51% vốn điều lệ (nếu đủ điều kiện), để tạo thuận lợi cho công tác ổn định hoạt động sản xuất, an ninh nguồn nước cho thành phố"*.

5. Giám sát thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp trách nhiệm và quyền lợi khác đối với người lao động, người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp theo quy định của Bộ luật Lao động.

Quỹ tiền lương thù lao của 9 người quản lý năm 2024 là: 5.433.600.000 đồng. Đến 30/06/2024, Công ty Nước sạch Hà Nội đã thực hiện chi trả: 1.595.685.312 đồng. Quỹ lương của người lao động trong năm 2024 là: 347.091.013.440 đồng. Đến 30/06/2024, Công ty Nước sạch Hà Nội đã thực hiện chi trả tiền lương cho người lao động: 115.249.809.534 đồng.

Công ty TNHH Một thành viên Nước sạch Hà Nội kính báo cáo Sở Tài chính, Chi cục tài chính doanh nghiệp.

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐTV (để b/c)
- KSV Công ty
- Lưu

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
NƯỚC SẠCH HÀ NỘI**



TỔNG GIÁM ĐỐC 8
Trần Quốc Hùng

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB 2024
(Ban hành kèm theo Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

STT	Tên dự án	Quy mô công suất	Nhóm dự án			Quyết định phê duyệt	Tổng mức đầu tư					Thời gian đầu tư theo KH	Nguồn vốn huy động 2024			Giá trị khối lượng thực hiện 6 tháng đầu năm 2024			Giải ngân năm 2024			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng
			A	B	C		Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%		Tổng số giải ngân 6 tháng đầu năm 2024	Thời hạn vay (tháng)	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2024	Đến 30/06/2024	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2024	Đến 30/06/2024	
	TÔNG CÔNG						3,099,241	1,635,201		1,464,040			47,690	-		41,881	198,319	240,200	5,619	234,993	240,612	122,359
I	Các dự án nguồn						253,549	253,549		-						179	16,614	16,793	400	16,393	16,793	10,353
B	Các dự án nhóm B, C và BCKTKT																					
1	Khoan thay thế các giếng YPH32, YPH34 NMAN Yên Phú	Khoan thay thế giếng			X	3352/NSHN-CTCN ngày 16/12/2023	8,839	8,839	100%		0%	2023-2024					1,660	1,660		1,660	1,660	
2	Khoan thay thế các giếng YPH25, YPH29 NMAN Yên Phú	Khoan thay thế giếng			X	3021/NSHN-CTCN ngày 08/11/2023	9,784	9,784	100%		0%	2023-2024					1,725	1,725		1,725	1,725	
3	Khoan thay thế các giếng NSLH17, NSLH31 NMAN Ngõ Sợ Liên	Khoan thay thế giếng			X	2933/NSHN-CTCN ngày 30/10/2023	11,453	11,453	100%		0%	2023-2024					1,801	1,801		1,801	1,801	
4	Khoan thay thế 02 giếng Cao Đình H12, H13	Khoan thay thế giếng			X		8,000	8,000	100%		0%	2024						-			-	
5	Khoan thay thế 02 giếng Mai Dịch MĐH2, TC1	Khoan thay thế giếng			X		8,000	8,000	100%		0%	2024						-			-	
6	Cải tạo nhà C10 và xây mới nhà hóa chất, thay thế máy ép bùn cho NMAN Yên Phú	Cải tạo dây chuyền xử lý nước			X	1041/NSHN-CTCN ngày 06/05/2023	15,573	15,573	100%	-	0%	2024				179	10,981	11,160	400	10,760	11,160	10,353
7	Cải tạo hệ thống xử lý thu hồi nước rửa lọc và hệ thống Clo cho NMAN Ngõ Hà	Cải tạo dây chuyền xử lý nước			X		24,000	24,000	100%	-	0%	2024					262	262		262	262	
8	Cải tạo hệ thống xử lý thu hồi nước rửa lọc và hệ thống Clo NMAN Lương Yên	Cải tạo dây chuyền xử lý nước			X		24,000	24,000	100%	-	0%	2024						-			-	
9	Cải tạo HT xử lý thu hồi nước rửa lọc NMAN Ngõ Sợ Liên	Cải tạo dây chuyền xử lý nước			X	Số 3164/NSHN-CTCN ngày 11/12/2021	9,091	9,091	100%	-	0%	2024					93	93		93	93	
10	Cải tạo hệ thống Clo nhà máy nước Mai Dịch	Cải tạo dây chuyền xử lý nước			X		8,354	8,354	100%		0%	2024					92	92			92	
11	Cải tạo bể chứa Trạm Giảng Võ	Cải tạo dây chuyền xử lý nước			X		5,455	5,455	100%	-	0%	2024						-			-	
12	Nâng công suất NMAN Bắc Thăng Long lên 300.000m3/ngđ theo quy hoạch	Nâng công suất NMAN		X			-	-				2024-2026						-			-	
13	Nghiên cứu cải tạo trạm cấp nước Hồng Vân	Cải tạo công trình xử lý nước		X			-	-				2024-2025						-			-	
14	Di chuyển TBA T4 (Vân Đào) và hạ ngầm tuyến cáp điện giếng H15, H16, H17 - NMAN Lương Yên	Khoan thay thế giếng			X		1,500	1,500	100%		0%	2024						-			-	
15	Khoan thay thế 01 giếng YP31 NMAN Yên Phú. Năm khai thác 1995	Khoan thay thế giếng			X		4,000	4,000	100%		0%	2024						-			-	
16	Lắp đặt thiết bị quan trắc độ đục Online bề lọc và Cải tạo, thay thế Hydrosel 5 nhà máy nước Yên Phú, Ngõ Sợ Liên, Mai Dịch, Ngõ Hà và Lương Yên	Cải tạo dây chuyền xử lý nước			X		22,500	22,500	100%		0%	2024						-			-	

STT	Tên dự án	Quy mô công suất	Nhóm dự án				Quyết định phê duyệt	Tổng mức đầu tư					Thời gian đầu tư theo KH	Nguồn vốn huy động 2024			Giá trị khối lượng thực hiện 6 tháng đầu năm 2024		Giải ngân năm 2024			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng	
			A	B	C	KT		Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%		Tổng số giải ngân 6 tháng đầu năm 2024	Thời hạn vay (năm)	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2024	Đến 30/06/2024	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2024		Đến 30/06/2024
15	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực DMA1+2 - 019.2 - Xi nghiệp Hoàng Mai	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu			x		-					2024-2025					62	62		62	62		
16	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực DMA3 và khu cao tầng C2 - 019C2 - Xi nghiệp Hoàng Mai	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu				x	-					2024-2025					-	-		-	-		
17	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực DMA3 - 019C2A Xi nghiệp Hoàng Mai	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu				x	-					2024-2025					-	-		-	-		
18	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực 09C2B.2, 19C2B.3 - 019C2B - Xi nghiệp Hoàng Mai	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu				x	-					2024-2025					-	-		-	-		
19	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực 019E1 - Xi nghiệp Hoàng Mai	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu				x	-					2024-2025					-	-		-	-		
20	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực 019E2- Xi nghiệp Hoàng Mai	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu				x	7.888	7.888	100%		0%	2024-2025					-	-		-	-		
III	Các dự án phát triển MLCN và cầu trục mương						2,001,280	951,530		1,049,750		6,072	-			-	12,785	12,785	-	12,785	12,785	-	
B	Các dự án nhóm B, C và BCKTKT																						
1	XD mương lưới cấp nước cho các xã Bình Yên, Hà Bang, Tân Xã và một phần xã Thạch Hòa huyện Thạch Thất (Cđ I)	XD mới tuyến ống, phát triển MLCN và khách hàng				x	192,000	67,200	35%	124,800	65%	2024		15	Thả nổi		4,310	4,310		4,310	4,310		
2	XD mương lưới cấp nước cho các xã Nhị Khê, Duyên Thái, Ninh Sở, Kimanh Hà, Hòa Bình, huyện Thường Tín (Cđ I)	XD mới tuyến ống, phát triển MLCN và khách hàng				x	255,000	89,250	35%	165,750	65%	2024		15	Thả nổi		4,055	4,055		4,055	4,055		
3	XD mương lưới cấp nước cho 3 xã Tiền Xuân, Yên Bình, Yên Trung và một phần còn lại của xã Thạch Hòa - huyện Thạch Thất (Cđ II)	XD mới tuyến ống, phát triển MLCN và khách hàng				x	184,000	64,400	35%	119,600	65%	2024-2025					-	-		-	-		
4	XD mương lưới cấp nước cho khu vực 16 xã còn lại, tiếp nhận trạm cấp nước Hồng Vân và hoàn thiện mương lưới cấp nước chi 5 xã (Hồng Vân, Thủ Phú, Văn Tào, Liên Phương, Hà Hối) huyện Thường Tín (Cđ II)	XD mới tuyến ống, phát triển MLCN và khách hàng				x	984,000	344,400	35%	639,600	65%	2024-2025					-	-		-	-		
5	Cấp nước cho các hộ còn lại xã Ngõ Hết, Ngõ Hối, Liên Ninh XD tuyến ống DN225, DN160 bổ sung nguồn nước cho 0 TT2, TT3, TT5 huyện Thanh Trì	XD mới tuyến ống, phát triển MLCN và khách hàng				x	2950/NSHN-CTCN ngày 31/10/2023	14,900	14,900	100%	0%	2024					3,370	3,370		3,370	3,370		
6	XD hoàn thiện tuyến ống tuyến dẫn DN600 trên đường Vành đai II theo Quy hoạch (Giai đoạn 1- Từ cầu Trung Hòa đến cầu Nhật Tân)	Cầu trục MLCN nội đô				x	183,000	183,000	100%		0%	2024-2025					1,050	1,050		1,050	1,050		
7	Xây dựng các tuyến tuyến dẫn theo quy hoạch để tiếp nhận nguồn nước mặt sông Hồng	Cầu trục MLCN nội đô				x	30,000	30,000	100%		0%	2024-2025					-	-		-	-		
8	XD tuyến ống cấp nước DN400 theo quy hoạch cấp nước cho khu vực xã Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm	Cầu trục MLCN nội đô				x	27,600	27,600	100%		0%	2024-2025					-	-		-	-		

STT	Tên dự án	Quy mô công suất	Nhóm dự án			Quyết định phê duyệt	Tổng mức đầu tư					Nguồn vốn huy động 2024				Giá trị khối lượng thực hiện 6 tháng đầu năm 2024				Giải ngân năm 2024				Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng
			A	B	C		KT	Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%	Thời gian đầu tư theo KH	Tổng số giải ngân 6 tháng đầu năm 2024	Thời hạn vay (năm)	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2024	Đến 30/06/2024	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2024	Đến 30/06/2024		
9	Bổ sung tuyến ống gang D300 phố Chùa Láng, kết nối tuyến ống D400 đường Nguyễn Chí Thanh và tuyến ống D300 đường Láng	Cầu trúc lại MLCN để đảm bảo cấp nước an toàn			X			19,000	19,000	100%		0%	2024-2025											-
10	Lắp đặt thủy tế tuyến ống Ngõ S9 Liên - Lê Duẩn đã bị cũ hỏng DN600	Cầu trúc lại MLCN để đảm bảo cấp nước an toàn			X			23,100	23,100	100%		0%	2024-2025											-
11	Xây dựng tuyến ống truyền dẫn cấp nước D900 theo quy hoạch cấp nước cho Thành phố Thông minh từ NNAN Bắc Thăng Long	Cầu trúc lại MLCN để đảm bảo cấp nước an toàn			X			75,000	75,000	100%		0%	2024-2025											-
12	Bổ sung tuyến ống D300 gang phố Văn Cao, kết nối mạng vòng từ tuyến D600 Liên Cầu đến tuyến ống D300 Thụy Khuê	Cầu trúc lại MLCN để đảm bảo cấp nước an toàn			X			13,680	13,680	100%		0%	2024-2025											-
IV	Các dự án khác							32,000	32,000		-			-										-
A	Các dự án nhóm C và BCKTKT																							
1	Cải tạo NNAN Pháp Vân thành trạm bơm tăng áp theo Quy hoạch và Xây dựng trụ sở điều hành Xi nghiệp KDNS Hoàng Mai				X			15,000	15,000	100%	-	0%	2024-2024											-
2	Quy hoạch xây dựng Khu VP làm việc và điều hành cấp nước - khu liên cơ: XN KDNS Cầu Giấy + XN Bông Hồ + Làng quốc tế Mai Dịch				X			15,000	15,000	100%	-	0%	2024-2024											-
3	Xây dựng và lắp đặt hệ thống thu hồi nước rửa lọc NNAN Tương Mai (chỉ phí đến từ GPMB)				X			2,000	2,000	100%	-	0%	2024-2024											-

Chú thích: Số liệu từ cột (2) đến cột (12) theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền. Các dự án nêu trên là dự án do doanh nghiệp làm chủ đầu tư hoặc thuộc quyền quản lý của doanh nghiệp

CÔNG TY NƯỚC SẠCH HÀ NỘI

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2024

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Quốc Hùng

Hoan

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH ƯỚC TÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024
(Ban hành kèm theo Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

DVT: triệu đồng

STT	Tên công ty con, công ty liên kết	Vốn góp của doanh nghiệp, giá trị đầu tư						Vốn điều lệ 30/06/2024	Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết	Doanh thu		Lợi nhuận sau thuế		Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia trên vốn đầu tư (%)	Tỷ lệ lợi nhuận được chia trên vốn đầu tư (%)	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn của công ty con, công ty liên kết	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết
		Giá trị vốn góp			Tỷ lệ vốn góp (%)					6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2024				
		Kế hoạch	Tại thời điểm 30/06/23	Tại thời điểm 30/06/24	Kế hoạch	Tại thời điểm 30/06/23	Tại thời điểm 30/06/24										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
I	Công ty con																
1	CTCP Nước sạch số 2 Hà Nội		548.914	548.914		96,64%	96,64%	568.000	568.000	239,151	366,015	87	13,333	7,246	1,32%	> 1	1,51
II	Công ty liên kết																
1	CTCP Vivaco		19,655	19,655		23,70%	23,70%	320.000	320.000	351,042	489,881	40,078	69,296	9,102	12,09%	> 1	0,33
2	CTCP Đầu tư Xây dựng Hà tăng Nước sạch Hà Nội		2.000	2.000		20,00%	20,00%	10.000	10.000	1,044	3,429	(178)	(893)			> 1	0,55
3	CTCP nước mặt Sông Hồng		110.931	110.931		20,00%	20,00%	554,655	554,655	1,491	564	(2,658)	(2,969)				4,91
4	CTCP Thập nước Hà Nội		59,340	59,340		30,00%	30,00%	197.800	197.800	15,628	20,975	1,373	7,252			> 1	2,27
III	Đầu tư tài chính		1,192,961	1,344,961	-	0	0	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
1	CTCP nước mặt Sông Đuống		99,961	99,961		10,00%	10,00%	999,611	999,611	363,178	441,247	(12,900)	66,194			< 1	0,01
2	Đầu tư tài chính khác		1,093.000	1,245.000													

Ghi chú:

Cột "3" đến "8": số vốn góp, vốn đầu tư của doanh nghiệp tại công ty con, công ty liên kết, giá gốc của các khoản đầu tư

Cột "9": Vốn Điều lệ của công ty con, công ty liên kết

Cột "10": Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm báo cáo

Cột "11" và "12": doanh thu của công ty con, công ty liên kết

Cột "13" và "14": Lợi nhuận của công ty con, công ty liên kết

Cột "15": Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia của năm báo cáo căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên của doanh nghiệp có vốn góp

Các cột có đánh dấu x không cần điền dữ liệu

Đánh giá của doanh nghiệp

Đánh giá của doanh nghiệp về hiệu quả đầu tư vốn tại công ty con, công ty liên kết: Đến hết tháng 06/2024, việc đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên kết đúng quy định.
Các công ty con, công ty liên kết đều hoạt động ổn định. Đối với các công ty đang thực hiện triển khai xây dựng (Công ty CP Nước mặt Sông Hồng) đã có bộ máy tài chính kế toán hoàn chỉnh, thực hiện các hoạt động đầu tư theo đúng quy định pháp luật.

Đánh giá của doanh nghiệp về hiệu quả đầu tư tài chính đến hết tháng 06/2024: Các công ty con, công ty liên kết đều hoạt động kinh doanh ổn định.

Đối với khoản đầu tư góp 10% vốn cổ phần tại Công ty CP Nước mặt Sông Đuống: đến thời điểm hiện tại, Công ty CP Nước mặt Sông Đuống đã chính thức phát nước thương mại, vận hành hệ thống bán buôn nước ổn định. Do thời gian đầu đi vào hoạt động hiệu quả còn thấp, trong khi các chi phí đầu tư lớn, Công ty CP Nước mặt Sông Đuống có lỗ kế hoạch trong các năm từ năm 2019 đến năm 2023. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty Nước sạch Hà Nội đã thực hiện trích lập dự phòng theo quy định.

Công ty còn đầu tư tài chính qua việc gửi tiền ngân hàng, các khoản này chủ yếu gửi ngắn hạn và sẵn sàng để đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các ngân hàng dịch vụ là các ngân hàng ổn định tài chính, có uy tín.

Người lập biểu

(Ký)

Trần Hoài Hương

Tổng Giám đốc

(Ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Hùng

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH ƯỚC TÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Nội dung	Cùng kỳ năm 2022	Cùng kỳ năm 2023	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2024		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch	Thực hiện	Cùng kỳ năm 2022	Cùng kỳ năm 2023	Kế hoạch năm
	1	2	3	4	5=(4)/(1)	6=(4)/(2)	7=(4)/(3)
A. Chi tiêu sản xuất kinh doanh							
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu	107,994,402	116,290,272	245,319,366	118,218,273	109,47%	101,66%	48,19%
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu	92,240,192	101,263,029	213,318,980	103,737,941	112,47%	102,44%	48,63%
3. Tồn kho cuối kỳ							
B. Chi tiêu tài chính							
1. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	771,813	879,461	2,626,994	1,239,121	160,55%	140,90%	47,17%
2. Giá vốn hàng bán	373,278	458,587	1,172,697	609,370	163,25%	132,88%	
3. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	398,535	420,874	1,454,297	629,751	158,02%	149,63%	
4. Doanh thu hoạt động tài chính	45,454	60,590	76,000	46,608	102,54%	76,92%	61,33%
5. Chi phí tài chính	35,925	44,060	89,961	33,857	94,24%	76,84%	
6. Chi phí bán hàng	262,883	313,503	831,203	369,248	140,46%	117,78%	
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29,151	52,642	314,643	42,463	145,67%	80,66%	
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	116,030	71,259	294,490	230,791	198,91%	323,88%	
9. Thu nhập khác	681	11		1	0,15%	9,09%	

Nội dung	Cùng kỳ năm 2022	Cùng kỳ năm 2023	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2024		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch	Thực hiện	Cùng kỳ năm 2022	Cùng kỳ năm 2023	Kế hoạch năm
	1	2	3	4	5=(4)/(1)	6=(4)/(2)	7=(4)/(3)
10. Chi phí khác	600	27		28,172	4695.33%	104340.74%	
11. Lợi nhuận khác	81	-16		-28,171	-34779.01%	176068.75%	
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	116,111	71,243	294,490	202,620	174.51%	284.41%	68.80%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21,326	12,428	78,148	62,668	293.86%	504.25%	80.19%
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại							
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN	94,785	58,815	216,342	139,952	147.65%	237.95%	64.69%

Ghi chú: Cột (1), (2): Theo BCTC các năm trước liền kề năm Báo cáo. Thông tin về chỉ tiêu tài chính lấy từ báo cáo tài chính

Người lập biểu
(Ký)

Thư

Trần Hoài Hương

Tổng Giám đốc
(Ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Đoàn Quốc Hưng

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỀ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ƯỚC TÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển sang kỳ sau
1. Thuế				
- Thuế môn bài	-	9,000,000	9,000,000	-
- Thuế GTGT	(369,708,025)			(369,708,025)
- Thuế TNDN	2,047,463,328	31,697,912,754	33,756,279,641	(10,903,559)
- Thuế đất	(1,598,309,196)	117,046,162,310	116,913,315,008	(1,465,461,894)
- Thuế Tài nguyên	5,279,814,800	27,741,552,480	28,397,775,200	4,623,592,080
- Thuế Thu nhập cá nhân	110,803,619	6,904,923,460	8,336,494,245	(1,320,767,166)
2. Các khoản phải nộp khác	-			-
- Nộp phạt	-			-
- Phí, lệ phí	87,182,792,780	105,286,945,566	104,301,280,322	88,168,458,024
- Các khoản phải nộp khác	4,420,208,495	-	315,792,000	4,104,416,495
3. Nộp Ngân sách nhà nước phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định			17,065,141,449	

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1. Quỹ Đầu tư phát triển	149,330,592,475			149,330,592,475
2. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	24,719,473,391	73,929,509,562	38,600,031,515	60,048,951,438
3. Quỹ thưởng VCCQLDN	424,462,194	598,381,992	195,518,318	827,325,868
4. Quỹ Hỗ trợ sắp xếp DN	-			-
5. Quỹ Khoa học công nghệ	115,780,000,000			115,780,000,000

ĐVT: triệu đồng

Ghi chú: Thông tin lấy từ báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhà nước

Người lập biểu

(Ký)



Trần Hoài Hương

Tổng Giám đốc

(Ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Viễn Quốc Thịnh